

Bản án số: 34/2025/DS - ST.
Ngày: 13 - 6 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực;
2. Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST – DS, ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (Gọi tắt là O; trụ sở: Tòa nhà H - A T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1989 và ông Lê Văn T1, sinh năm 1990 - Chuyên viên thu hồi nợ hiện trường; địa chỉ: Số E T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P “Giấy ủy quyền số 033/2025/UQ-OCB ngày 22/01/2025” (Ông Lê Văn T2 có mặt, ông Dương Thanh T vắng mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2025 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị Ngọc Đ (sau đây gọi tắt là “Khách hàng”) đã thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản

thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 041/2022 ngày 23/3/2022 sau đây gọi chung là “Hợp đồng” với OCB để vay vốn, chi tiết như sau:

Số tiền vay: 41.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi một triệu đồng);

Mục đích vay: mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng;

Thời hạn vay: 60 tháng;

Lãi suất vay: 30%/năm;

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Sau khi ký kết Hợp đồng, OCB đã cấp hạn mức và thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên, sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Đ đã giao dịch rút một lần với số tiền là 36.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà Võ Thị Ngọc Đ chỉ thanh toán cho OCB được số tiền là 592.274 đồng và lãi là 6.101.049 đồng thì không trả gốc lãi nữa. Khoản vay của bà Đ đã trễ hạn thanh toán từ ngày 10/10/2023, do đó bà Võ Thị Ngọc Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng đã ký kết với OCB. Tổng nợ vay của bà Võ Thị Ngọc Đ tại O phát sinh từ Hợp đồng trên tính đến ngày 13/6/2025 là 81.419.464 đồng (trong đó, nợ gốc: 35.407.726 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.848.650 đồng, lãi quá hạn: 38.772.975 đồng; phí/phạt: 7.238.763 đồng). Mặc dù OCB đã nhiều lần yêu cầu bà Võ Thị Ngọc Đ có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Võ Thị Ngọc Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho O. Vì vậy, bà Võ Thị Ngọc Đ đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn OCB là ông Lê Văn T2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Võ Thị Ngọc Đ có trách nhiệm thanh toán cho OCB tổng số nợ của Hợp đồng tính đến ngày 13/6/2025 là 81.419.464 trong đó, nợ gốc: 35.407.726 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.848.650; nợ lãi quá hạn: 12.924.325 đồng; phí/phạt: 7.238.763 đồng. Bà Đ còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 14/6/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho O.

- *Đối với bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Ngọc Đ nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bà Đ được vì bà Đ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới. Nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Ngọc Đ theo đúng quy định của pháp luật. Bà Võ Thị Ngọc Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 này 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn OCB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ gốc, tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của O. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp được vì bà Võ Thị Ngọc Đ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới. Căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Ngọc Đ. Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Võ Thị Ngọc Đ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ phải có trách nhiệm trả cho OCB dư nợ còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xác lập ngày 22 tháng 3 năm 2022 (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của OCB dành cho khách hàng cá nhân, số thẻ 970488XXXXXX5992 với số tiền gốc là 35.407.726 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm

hai mươi sáu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng giữa người cấp thẻ là OCB và chủ thẻ chính được cấp là bà Võ Thị Ngọc Đ xác lập ngày 23/3/2022 có chữ ký của bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ ở mục chủ thẻ chính cùng các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Đ nhưng bà Đ không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ bản sao kê ngày 13/6/2025 của O cho thấy bà Đ đã giao dịch bằng thẻ tín dụng số 970488XXXXXX5992 từ ngày 15/4/2021 đến ngày 05/12/2023, cụ thể: Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Võ Thị Ngọc Đ đã thực hiện giao dịch để nhận số tiền vay gốc từ thẻ là 36.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà Võ Thị Ngọc Đ chỉ thanh toán cho OCB được số tiền gốc là 592.274 đồng, lãi là 6.101.049 đồng và phí là 800.00 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 11 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của O) thì không thanh toán nữa. OCB đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Đ vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 05/01/2024 OCB đã chuyển dư nợ gốc 35.407.726 đồng sang nợ quá hạn. Do bà Đ đã phạm nghĩa vụ thanh toán đã quy định tại Điều 14 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của OCB nên ngày 15/01/2024 O đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 15 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của O.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định bà Đ đã vay và nhận đủ của nguyên đơn số tiền được cấp theo hạn mức thẻ tín dụng cấp ngày 23/3/2022 với hạn mức là 41.000.000 đồng là có căn cứ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Võ Thị Ngọc Đ đã thực hiện giao dịch để nhận số tiền vay gốc từ thẻ là 36.000.000 đồng, quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà Võ Thị Ngọc Đ chỉ thanh toán cho OCB được số tiền gốc là 592.274 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ 35.407.726 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất, phí/phạt: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 46.011.738 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 25.848.650 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.924.325 đồng; phí/phạt: 7.238.763 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 9 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của O và Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân giữa OCB và bà Đ giao kết mức lãi suất là 30%/năm, phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất theo từng loại Thẻ được quy định tại Biểu phí dịch vụ thẻ OCB, lãi suất được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày. Xét thấy, mức lãi suất của hợp đồng trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 8 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N ban hành Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả các khoản lãi, phí cho nguyên đơn theo giao kết. Do đó, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó, bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho OCB số tiền lãi, phí đến ngày 13/6/2025 (Theo Bảng tính lãi phí thẻ tín dụng, số thẻ 970488XXXXXX5992 của khách hàng Võ Thị Ngọc Đ) là 46.011.738 đồng, bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 25.848.650 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.924.325 đồng; phí/phạt: 7.238.763 đồng.

[5]. Như vậy, bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho OCB dư nợ của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ số thẻ 70488XXXXXX5992 đến ngày 13/6/2025 với tổng số tiền là 81.419.464 đồng (trong đó, nợ gốc: 35.407.726 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.848.650 đồng, lãi quá hạn: 12.924.325 đồng; phí/phạt: 7.238.763 đồng) và kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2025, bà Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23 tháng 3 năm 2022 cho đến khi bà Võ Thị Ngọc Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 này 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P:

1. Buộc bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P dư nợ tính đến ngày 13/6/2025 là 81.419.464 đồng

(T3 mươi một triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) (trong đó, nợ gốc: 35.407.726 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng); nợ lãi trong hạn là 25.848.650 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn: 12.924.325 đồng (Mười hai triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng); phí/phạt: 7.238.763 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng). Kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2025, bà Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23 tháng 3 năm 2022 cho đến khi bà Võ Thị Ngọc Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

2. Về án phí: Bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ phải chịu 4.070.982 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn chín trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.817.200 đồng (Một triệu tám trăm mười bảy nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009298, ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.TTr, KT&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo